

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình;

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 45/2020/QĐST-DS ngày 30/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng; Địa chỉ: đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Hồng P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Hồng P là ông Dương Quốc K, chức danh: Chuyên viên khách hàng tại Phòng giao dịch H (Theo quyết định ủy quyền ngày 09/6/2020).

Bị đơn: Ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Bà Võ Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông K có mặt tại phiên tòa; Ông Ph và bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn là ông Dương Quốc K trình bày: Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 với ông Đặng Văn Ph số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày bên vay nhận tiền vay, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Ph 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mặc dù đã được nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, toàn bộ khoản vay của khách hàng tại ngân hàng sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn với tổng nợ gốc 68.327.000 đồng kể từ ngày 30/7/2019. Tổng số nợ vay khách hàng còn nợ ngân hàng tính đến ngày 19/01/2021 là 83.629.389 đồng. Trong đó: nợ gốc 68.327.000 đồng, lãi trong hạn là 10.067.000, đồng, lãi phạt lãi là 873.406 đồng, lãi phạt gốc là 4.361.983 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn Ph thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 tạm tính đến ngày 19/01/2021 là 83.629.389 đồng. Trong đó: nợ gốc 68.327.000 đồng, lãi trong hạn là 10.067.000, đồng, lãi phạt lãi là 873.406, lãi phạt gốc là 4.361.983 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Ph phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán nợ vay.

Bị đơn Đặng Văn Ph vắng mặt tại các phiên hòa giải, các phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông Đặng Văn Ph có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng 83.629.389 đồng. Trong đó: nợ gốc 68.327.000 đồng, lãi trong hạn là 10.067.000, đồng, lãi phạt lãi là 873.406, lãi phạt gốc là 4.361.983 đồng tạm tính đến ngày 19/01/2021, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về áp dụng pháp luật: Ông Đặng Văn Ph là bị đơn và bà Võ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại Điều 227 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự, bị đơn Đặng Văn Ph cư trú tại ấp B, xã T, huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn Ph thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt và các phí phạt theo hợp đồng tín

dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 tạm tính đến ngày 19/01/2021 là 83.629.389 đồng. Trong đó: nợ gốc 68.327.000 đồng, lãi trong hạn là 10.067.000, đồng, lãi phạt lãi là 873.406, lãi phạt gốc là 4.361.983 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Ph phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán nợ vay có đủ cơ sở để chấp nhận vì: Ngân hàng cho ông Ph vay tiền có hồ sơ ký kết giữa các bên, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả tiền gốc theo định kỳ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp.

[3] Đối với trách nhiệm ký bảo đảm của lãnh đạo trường THCS T thì Ngân hàng không có yêu cầu xem xét trách nhiệm của nhà trường hay lãnh đạo nhà trường và Cán bộ thu hồi nợ của Ngân hàng không thông báo hay làm việc với lãnh đạo nhà trường về việc ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận điều này nên việc khởi kiện không liên quan đến lãnh đạo hay trường THCS Thường Lạc nên không xem xét. Do Ngân hàng không thông báo hay làm việc với lãnh đạo nhà trường về việc ông Ph không thực hiện trả nợ vay cho Ngân hàng điều này thể hiện việc chuyển bảo hiểm xã hội đối với ông Ph của nhà trường là không vi phạm nghĩa vụ vì nhà trường không biết việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng của ông Ph nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông Đặng Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 229 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

2. Buộc ông Đặng Văn Ph trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tổng cộng 83.629.389 đồng. Trong đó: nợ gốc 68.327.000 đồng, lãi trong hạn là 10.067.000, đồng, lãi phạt lãi là 873.406, lãi phạt gốc là 4.361.983 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Ph phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng

tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HD1521111704820 ngày 21/11/2017 và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán nợ vay.

3. Về án phí:

3.1 Trả lại cho Ngân hàng 1.890.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BH/2018/ 0001349 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Ông Đặng Văn Ph phải chịu 4.181.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc